

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày 29 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Vân

Bà Bùi Thị Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 17/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Huy Q, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1990 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKKTT: thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú trước khi bị bắt: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1992, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 25/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 18 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số: 46/2016/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2017. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Hoàng Văn C, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1986 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, nơi Đăng ký HKTT: Tổ 22, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1954, có vợ là Dương Thị Mai H, sinh năm 1989 (đã ly hôn), con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Năm 2018 bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng tại xã L, huyện V,

tỉnh Hà Giang. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Nông Văn L (Nông Văn L), sinh năm 1976 tại huyện B, tỉnh Hà Giang, nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang, nơi tạm trú trước khi bị bắt: Tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, nghề nghiệp: Lao động tự do; CMND số 073264187 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 05/6/2008; trình độ học vấn: Lớp 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (Nông Quang T), sinh năm 1944 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2004; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 05/6/1999 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo bản án số 13/HS-ST. Ngày 10/01/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 01/2007/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị hại:

- Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Anh Nông Hồng T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1973; nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: Tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

Người làm chứng:

- Anh Triệu Văn T, sinh năm 1957. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983. Có mặt

- Anh Đỗ Khắc Đ, sinh năm 1974. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 19/6/2021 anh Nông Hồng T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang phát hiện bị mất một cuộn dây xích của máy mức để ở xưởng sửa chữa của gia đình, đồng thời khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày anh Phạm Xuân T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang cũng phát hiện gia đình bị mất một số tài sản. Do vậy, ngày 19/6/2021 gia đình anh Nông Hồng T và anh Phạm Xuân T đã gửi đơn trình báo đến Công an thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang về việc mất trộm tài sản.

Sau khi nhận được tin tố giác, Công an thị trấn V, huyện B đã kiểm tra, rà soát, bước đầu đã xác định Nguyễn Huy Q, sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú

tại thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên, hiện đang tạm trú tại thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang và Hoàng Văn C, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1986 tại huyện B, tỉnh Hà Giang, có hộ khẩu thường trú tại tổ 22, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang cùng Nông Văn L (Nông Văn L), sinh năm 1976 tại huyện B, tỉnh Hà Giang, có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang, hiện đang tạm trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang là những đối tượng có dấu hiệu thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nông Hồng T và anh Phạm Xuân T. Công an thị trấn Việt Quang đã báo cáo vụ việc lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, phối H tiến hành giữ người trong trường H khẩn cấp đối với Nguyễn Huy Q, Hoàng Văn C và Nông Văn L, xác định hiện trường khám nghiệm hiện trường và tạm giữ các tài sản trộm cắp các đối tượng giao nộp.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Huy Q, Hoàng Văn C và Nông Văn L khai nhận: Vào khoảng 19 giờ ngày 18/6/2021, Nguyễn Huy Q, đi bộ một mình từ thôn P, xã Q theo Quốc lộ 2 (hướng Tuyên Quang – Hà Giang) đến tổ 6 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, quá trình đi đi bộ vào đường bê tông bên trái đường hướng đi thôn K, Q phát hiện ngôi nhà của anh Phạm Xuân T, sinh năm 1975 trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đang xây dựng ở phía bên trái đường (theo chiều đi của Q) chưa có cửa, có điện thắp sáng, Q quan sát thấy bên trong nhà không có ai nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang về bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Q đi thẳng theo hành lang xuống cuối nhà, khi đi đến gian cuối cùng khu vực nhà vệ sinh thấy có 01 máy cắt cầm tay màu xanh, Q cầm lấy và đi ra ngoài đến gian thứ ba từ dưới lên, thấy cửa buồng không đóng, bên trong phòng tại góc tường ngay cửa ra vào có một chiếc túi màu xanh, Q mở ra xem thấy bên trong có 02 máy khoan nhỏ loại cầm tay trong đó có một cái gắn mũi khoan, có một chiếc vỏ ngoài màu đỏ và một chiếc vỏ ngoài màu xanh. Tại ngăn bên cạnh túi có một số lưỡi cắt của máy cắt, Q cho chiếc máy cắt cầm tay đã lấy từ gian cuối cùng vào trong túi và lấy 04 dây hàn được cuộn thành 02 cuộn để ở nền nhà cho vào trong túi, kiểm tra túi còn có thêm 01 máy hàn loại nhỏ có chiều dài khoảng 20cm, chiều cao khoảng 10cm vỏ màu xanh, sau khi cho đồ vào túi, Q đeo túi xách lên vai, đồng thời nhìn thấy 01 máy hàn to ở gần giáp cửa buồng ra vào nên tay trái Q xách máy hàn có kích thước dài khoảng 30cm, rộng khoảng 15cm, màu sơn xám và đi ra gian phòng khách thấy trên nền nhà giáp tường có 02 máy khoan cầm tay cùng 02 máy cắt cầm tay, Q đặt túi xách xuống cho 02 máy khoan và 02 máy cắt cầm tay vào trong túi và xách toàn bộ số tài sản vừa lấy được đi ra ngoài hiên nhà. Tại đây, Q phát hiện trước cửa có 01 cái xe rửa, nên để toàn bộ số tài sản đã lấy được lên xe rửa và đẩy đi ra ngoài, sau đó Q đẩy xe rửa đi đến nhà Nông Văn L, đang tạm trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Do đã biết nhau từ trước nên Q đẩy xe rửa cùng các tài sản đã trộm cắp được vào trong lán giáp với nhà ở (bên tay phải từ đường nhìn vào), sau đó đi thẳng vào trong nhà. Lúc này L đang đi chơi cùng Hoàng Văn C, là người đi làm thuê và ở cùng nhà với L. Sau khi vào nhà, Q gặp Bùi Thị H, sinh năm 1973 trú tại thôn C, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (là người đang chung sống như vợ chồng với Nông Văn L từ năm 2010) và Triệu Văn T, sinh năm 1967 trú tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang là bạn của L đến chơi từ chiều ngày 18/6/2021. Quá trình ngồi uống nước nói chuyện Q không nói cho H và T biết bản thân vừa đi trộm cắp tài sản. Ngồi nói chuyện một lúc thì H đi nằm tại buồng ngủ dưới tầng 1, T đi nằm ở gian bếp, còn Q

lấy 02 bao tải dừa (một bao màu xanh và một bao màu trắng) cho toàn bộ số tài sản vừa trộm cắp được vào trong hai bao tải và bê lên tầng 2 cất giấu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L và C đi chơi về, Q có khoe với L và C vừa mới trộm được ít đồ, sau đó Q dẫn C và L đi lên tầng hai xem. Sau khi xem xong, C và L đi xuống trước, sau đó L vào buồng ngủ nằm cùng với H, C đi nằm ở gầm cầu thang, Q xuống và nằm cùng C. Đến khoảng 00 giờ ngày 19/6/2021, Q gọi C dậy và rủ C đi xem, thấy nhà ai có đồ thì lấy trộm, C đồng ý. Trước khi đi, C có cầm theo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Intel màu đỏ, bên trong có gắn thẻ sim Vina phone có số thuê bao 0848.062.486 của L (trước đó C thường xuyên lấy điện thoại để liên lạc với bạn bè và L không có ý kiến gì). Q và C đi bộ từ tổ 6 đến tổ 9 thị trấn Việt Quang, khi đến gần trạm điện Q bảo C đứng ở ngoài đường canh gác, còn Q đi vào xưởng máy của gia đình anh Nông Hồng T, sinh năm 1970, trú tại tổ 9 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, quan sát thấy có nhiều máy xúc để ở xưởng máy, Q phát hiện 01 cuộn xích máy mức gồm 38 (*ba mươi tám*) lá sắt, do khối lượng của cuộn xích sắt lớn nên Q quay ra chỗ C đứng đợi bảo C đi tìm một đoạn gậy để khiêng xích máy mức, sau khi lấy được gậy gỗ, Q và C cùng nhau khiêng cuộn xích máy mức đi ngược lại khoảng 100m đến một ngã ba thì dừng lại, C lấy điện thoại di động ra gọi vào điện thoại có số thuê bao số 0822.957.046 là điện thoại Oppo màu hồng của Bùi Thị H, lúc này L tỉnh dậy nghe điện thoại thì C bảo L đến ngã ba trạm điện ở tổ 9 thị trấn V, huyện B đón C và Q. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX màu sơn vàng – đen, BKS 23D1-152.98 đến địa điểm C mô tả, khi đến nơi L thấy C và Q đứng đợi, bên cạnh có 01 cuộn xích máy mức bằng sắt, lúc này L biết Q và C vừa đi trộm cắp được cuộn xích máy mức, L không nói gì và để Q cùng C khiêng cuộn xích máy mức lên yên xe, sau đó Q trực tiếp điều khiển xe mô tô chở cuộn xích máy mức về nhà L cất giấu gần khu vực để xe rửa lúc đầu, sau đó Q điều khiển xe mô tô quay lại đón C và L đi về. Khi về đến nhà, C đi tắm sau đó lên giường ngủ, còn L điều khiển xe mô tô BKS 23D1-152.98 chở Q và hai bao tải dừa chứa các tài sản mà Q trộm cắp được tại gia đình Phạm Xuân T đi gửi tại nhà anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, trú tại thôn Hoàng Văn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang – là anh con bác của Nông Văn L. Khi gửi đồ L và Q không nói cho H biết hai bao tải chứa các tài sản mà Q đã trộm cắp được. Sau khi gửi đồ, Q và L đi về nhà L ngủ, sáng ngày 19/6/2021, Bùi Thị H dậy và đẩy xe rửa từ lán bên cạnh nhà lên tầng 2 cất. Sau khi bị bắt tạm giữ và tạm giam các đối tượng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp các tài sản đã trộm cắp được. Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Huy Q, Hoàng Văn C, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành truy tìm vật chứng là đoạn gậy gỗ ở cạnh đường thuộc tổ 9, thị trấn V mà Q và C đã dùng để khiêng xích máy mức, ngày 09/7/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã phối hợp cùng Công an thị trấn Việt Quang và Tổ dân phố tổ 9, thị trấn Việt Quang truy tìm 01 thanh gỗ, loại cây tròn, dài khoảng 1,5 m như lời trình bày của Q và C nhưng không thu giữ được.

Ngày 19/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành cân tịnh cuộn xích máy mức gồm 38 (*ba mươi tám*) lá sắt mà Q và C trộm cắp được tại gia đình Nông Hồng T, kết quả cân tịnh cuộn xích máy mức có trọng lượng: 119kg (một trăm mười chín ki lô gam).

Ngày 24/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành yêu cầu định giá tài sản số 32 và yêu cầu định giá tài sản bổ sung số 37 ngày 20/7/2021 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang định giá các tài sản là vật chứng trong vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 34/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2021 và số: 40/ KL-HĐĐGTS ngày 23/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận:

- 01 túi bạt màu xanh, có hai khóa gài có quai đeo màu xanh, phần trên nắp túi có 01 tay xách, túi không có nhãn mác, KT 40cmx40cmx15cm có giá trị là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- 01 máy cắt cầm tay vỏ màu xanh + đen có gắn lưỡi cắt mũi khoan nhỏ, có dây và phích cắm kèm theo, nhãn hiệu MAKITA (các dòng chữ đã mờ) ma de in chi na. Mua mới tháng 9/2020, có giá trị là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- 01 máy cắt cầm tay vỏ màu xanh + đen có gắn lưỡi cắt mũi khoan nhỏ, có dây và phích cắm kèm theo, nhãn hiệu DONGCHENG DSN 100A (ma de in chi na). Mua mới năm 2020, có giá trị là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- 01 máy khoan vỏ màu nâu + đen có gắn mũi khoan nhỏ, có dây và phích cắm kèm theo, nhãn hiệu MAKITA (ma de in chi na). Mua mới tháng 9/2020, có giá trị là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- 01 máy khoan vỏ màu đỏ có gắn mũi khoan tròn, có dây và phích cắm kèm theo, nhãn hiệu MAKITA (ma de in chi na). Mua mới tháng 9/2020, có giá trị là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- 01 máy khoan vỏ màu xanh có gắn mũi khoan nhỏ, có dây và phích cắm kèm theo, nhãn hiệu MAKITA (ma de in chi na). Mua mới tháng 9/2020, có giá trị là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- 01 máy khoan vỏ màu xanh không có mũi khoan, có dây và phích cắm kèm theo, nhãn hiệu MAKITA (ma de in chi na). Mua mới tháng 9/2020, có giá trị là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- 07 lưỡi cắt tròn màu nâu, có nhãn hiệu Panie 107XL.2x16mm, mua năm 2021, có giá trị là 80.000đ (tám mươi nghìn đồng).

- 01 dây hàn vỏ nhựa màu đen, một đầu có gắn đoạn sắt, một đầu gắn mỏ cầm tròn. Kích thước 02m20cm có giá trị là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 dây hàn vỏ nhựa màu đen, một đầu có gắn đoạn sắt, một đầu gắn mỏ cầm tròn. Kích thước 10m45cm có giá trị là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

- 01 dây hàn vỏ nhựa màu đen, một đầu có gắn đoạn sắt có vỏ bọc bằng nhựa màu xanh, một đầu gắn mỏ cầm tròn. Kích thước 02m35cm có giá trị là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 dây hàn vỏ nhựa màu đen, một đầu có gắn đoạn sắt có vỏ bọc bằng nhựa màu xanh, một đầu gắn mỏ cầm tròn. Kích thước 09m80cm có giá trị là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

- 01 (một) máy cắt kim loại nhãn hiệu LS 1030N MAKITA (ma de in chi na). Mua mới tháng 9/2020, có giá trị là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- 01 (một) máy hàn vỏ màu xám có chữ KARC 2.5 (ma de in chi na). Mua mới tháng 6/2021, có giá trị là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

- 01 (một) máy hàn vỏ màu xám có chữ KOWON KARC 3.2 (ma de in chi na). Mua tháng 11/2020. có giá trị là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- 01 (một) dây xích máy xúc gồm 38 lá sắt có giá trị là 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) xe rửa (xe cũ qua sử dụng) có giá trị là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản là **28.480.000đ (hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)**. Trong đó, trị giá tài sản Nguyễn Huy Q trộm cắp của gia đình Phạm Xuân T là 18.980.000đ (mười tám triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), trị giá tài sản Q và C cùng trộm cắp của gia đình Nông Hồng T là 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 45/CT-VKSBQ ngày 08/9/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Huy Q, Hoàng Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Nông Văn L về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Huy Q, Hoàng Văn C về tội "Trộm cắp tài sản"; Nông Văn L về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

* Về điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 38, 50, 17 và Điều 58; đoạn 1, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Q từ 18 - 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 38, 50, 17 và Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 12 - 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, các Điều các Điều 38, 50; đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 18 - 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2021).

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại: Tại giai đoạn điều tra, các bị hại Phạm Xuân T và Nông Hồng T đã được nhận tại toàn bộ tài sản các bị cáo trộm cắp, bị hại Nông Hồng T không có yêu cầu nào khác về trách nhiệm dân sự. Còn bị hại Phạm Xuân T yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. Ngày 23/7/2021 bà Bùi Thị H đã thay mặt các bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000đ cho bị hại Phạm Xuân T, nay bị hại Tuấn không còn yêu cầu nào khác, nên đề nghị không xem xét.

- Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô BKS 23D1- 152.98 nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX màu sơn vàng – đen có số máy: JA31E-0010602; số khung: RLHJA3115EY004998 (xe cũ đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IteL màu đỏ bàn phím số có gắn 01 sim có số sơ ri 898402000, 11182881662 (đã qua sử dụng) là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy đối với vật chứng không có giá trị sử dụng là 02 (hai) bao tải dứa: trong đó một chiếc màu xanh, một chiếc màu trắng (bao cũ đã qua sử dụng) và 01 (một) quần bò dài màu xanh (quần cũ đã qua sử dụng);

- Đề nghị trả lại cho các chủ sở hữu vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội: Trả lại bà Bùi Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng màn hình cảm ứng có gắn 01 sim có số sơ ri 89840, 20001, 08049, 19249 (đã qua sử dụng);

Phản tranh luận, các bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt của Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính H pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bắc Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và người làm chứng nhưng trước đó các bị hại đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn người làm chứng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên quá trình điều tra họ đã có đầy đủ lời khai có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy những người này đã được Tòa án triệu tập H lệ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất, phù H với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhân chứng và phù H với các tài liệu chứng cứ như biên bản sự việc, các biên bản, bản ảnh và sơ đồ xác định hiện trường ngày 19/6/2021 và ngày 09/7/2021 và biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường ngày 19/6/2021; biên bản cân tịnh xác định trọng lượng sắt ngày 19/6/2021; biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2021 và số 40/ KL-HĐĐGTS ngày 23/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang, cùng tài liệu khác có trong hồ sơ, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18/6/2021, bị cáo Nguyễn Huy Q đã thực hiện hành vi trộm cắp các tài sản của bị hại Phạm Xuân T, gồm: 04 (bốn) máy khoan cầm tay nhãn hiệu Makita kèm theo dây và phích cắm; 02 (hai) máy cắt cầm tay nhãn hiệu Makita và Dong Cheng kèm theo dây và phích cắm; 02 (hai) máy hàn nhãn hiệu KARC 2.5 và 3.2; 07 (bảy) lưỡi cắt; 04 (bốn) dây hàn điện màu đen; 01 (một) túi bạt màu xanh; 01 (một) xe rửa, tổng trị giá tài sản bị cáo Nguyễn Huy Q trộm cắp của bị hại Phạm Xuân T là **18.980.000đ (mười tám triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)**. Sau đó, vào khoảng 00 giờ ngày 19/6/2021, các bị cáo Nguyễn Huy Q và Hoàng Văn C cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nông Hồng T là 01 (một) cuộn xích máy mức bằng kim loại gồm 38 mắt sắt, trọng lượng 119 kg, trị giá là **9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng)**. Bị cáo Nông Văn L có hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, lần thứ nhất bị cáo chứa chấp các tài sản do Nguyễn Huy Q trộm cắp của gia đình bị hại Phạm Xuân T, lần thứ hai bị cáo chứa chấp tài sản do các bị cáo Nguyễn Huy Q và Hoàng Văn C trộm cắp của gia đình bị hại Nông Hồng T. Do đó, các bị cáo Nguyễn Huy Q và Hoàng Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, còn bị cáo Nông Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của các bị cáo Nguyễn Huy Q và Hoàng Văn C, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, còn hành vi phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" của bị cáo Nông Văn L, cũng thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có khung hình phạt là phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể

được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, đua đòi, lười lao động, các bị cáo Q và C đã lợi dụng thời điểm trời tối khi mọi người đều đã ngủ say để lén lút trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu sài để phục vụ cho việc chi tiêu của cá nhân, còn bị cáo Nông Văn L đã biết rõ số tài sản bị cáo Q mang đến nhà cất giấu lần thứ nhất và số tài sản do các bị cáo Q và C lấy lần thứ hai đều là tài sản do trộm cắp mà có, nhưng bị cáo L vẫn chứa chấp, cất giấu. Do đó, C xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường H đồng phạm giản đơn.

[6] Trong vụ án này, Nguyễn Huy Q là người khởi sự, trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản hai lần, lần 01 trị giá tài sản trộm cắp là 18.980.000 đồng, lần 02 trị giá tài sản trộm cắp là 9.500.000 đồng, tổng trị giá tài sản bị cáo Q trộm cắp là 28.480.000đ (*Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo là người có nhân thân xấu ngày 25/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nên C áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cao hơn so với bị cáo C về tội “Trộm cắp tài sản”, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, giai đoạn điều tra đã được bà Bùi Thị H tự nguyện thay mặt bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại Phạm Xuân T, với số tiền 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) và được bị hại Tuấn có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cũng được xem xét giảm nhẹ khi áp dụng mức hình phạt.

[6] Bị cáo Hoàng Văn C tham gia trộm cắp tài sản 01 lần với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Q, số tài sản bị cáo C thực hiện hành vi trộm cắp có trị giá là 9.500.000đ (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*), trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng, về nhân thân, năm 2018 bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng tại xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Do đó, C cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định. Tuy nhiên, trong các giai đoạn tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường H ít nghiêm trọng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cũng được xem xét giảm nhẹ mức án để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với bị cáo Nông Văn L là người thực hiện hành vi chứa chấp tài sản 02 lần, cả hai lần thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đều biết rõ tài sản bị cáo chứa

chấp và giúp cất giấu là tài do người khác phạm tội mà có, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 1999 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, C phải có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo nhận thức được hành vi, vi phạm pháp luật của mình. Trong vụ án này, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cũng được xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, lao động tự do và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[9] Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về về tội danh, áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra, các bị hại Phạm Xuân T và Nông Hồng T đã được nhận lại toàn bộ tài sản các bị cáo trộm cắp theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 24/7/2021 (bút lục 264, 265), bị hại Nông Hồng T không có yêu cầu nào khác về trách nhiệm dân sự. Còn bị hại Phạm Xuân T có yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, do không có các thiết bị máy móc phục vụ việc sản xuất, kinh doanh. Ngày 23/7/2021 bà Bùi Thị H đã thay mặt bị cáo Q bồi thường số tiền 12.000.000đ cho bị hại Phạm Xuân T, nay bị hại T không còn yêu cầu nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với yêu cầu của bà Bùi Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sau khi tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo Q, bà H yêu cầu bị cáo Nguyễn Huy Q phải trả lại 1/2 số tiền do bà đã đứng ra bồi thường cho bị hại Tuấn là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo Q nhất trí trả lại 1/2 số tiền cho bà H, nên C áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận việc bị cáo Nguyễn Huy Q có nghĩa vụ trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng chẵn*)

[12] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự để xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 01 (*một*) xe mô tô BKS 23D1- 152.98 nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX màu sơn vàng – đen có số máy: JA31E-0010602; số khung: RLHJA3115EY004998 (xe cũ đã qua sử dụng) và 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ bàn phím số có gắn 01 sim có số sơ ri 898402000, 11182881662 (đã qua sử dụng), Hội đồng xét xử xác định, đây là vật chứng trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội nên C tuyên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước. Các vật chứng là 02 (*hai*) bao tải dứa: trong đó một chiếc màu xanh, một chiếc màu trắng (bao cũ đã qua sử dụng), 01 (*một*) quần bò dài màu xanh (quần cũ đã qua sử dụng), xét thấy không có giá trị sử

dụng nên C tuyên tịch thu và tiêu hủy. Đối với vật chứng còn lại, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên C trả lại cho các chủ sở hữu: Trả lại bà Bùi Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng màn hình cảm ứng có gắn 01 sim có số seri 89840, 20001, 08049, 19249 (đã qua sử dụng).

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tại phiên tòa bị cáo Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị H thống nhất thỏa thuận, bị cáo Nguyễn Huy Q tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Huy Q, Hoàng Văn C, phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nông Văn L, phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 38, 17 và Điều 58; đoạn 1, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Q 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 38, 17 và Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, các Điều 38, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn L 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2021).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Huy Q, Hoàng Văn C, Nông Văn L.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, xử: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Huy Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về trách nhiệm dân sự như sau: Bị cáo Nguyễn Huy Q có nghĩa vụ trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô BKS 23D1-152.98 nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX màu sơn vàng – đen có số máy: JA31E-0010602; số khung: RLHJA3115EY004998 (xe cũ đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ bàn phím số có gắn 01 sim có số seri 898402000, 11182881662 (đã qua sử dụng)

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) bao tải dứa: trong đó một chiếc màu xanh, một chiếc màu trắng (bao cũ đã qua sử dụng), 01 (một) quần bò dài màu xanh (quần cũ đã qua sử dụng).

- Trả lại bà Bùi Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng màn hình cảm ứng có gắn 01 sim có số seri 89840, 20001, 08049, 19249 (đã qua sử dụng).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 21, Điều 23, khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Nguyễn Huy Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000đ. Tổng cộng số án phí bị cáo Nguyễn Huy Q phải chịu là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)

- Bị cáo Hoàng Văn C, Nông Văn L, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Các Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

Trường H bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đàm Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

Bùi Thị Thịnh

Đàm Thị Tư